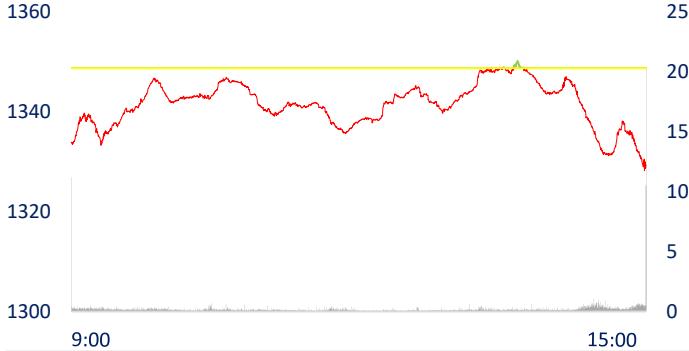
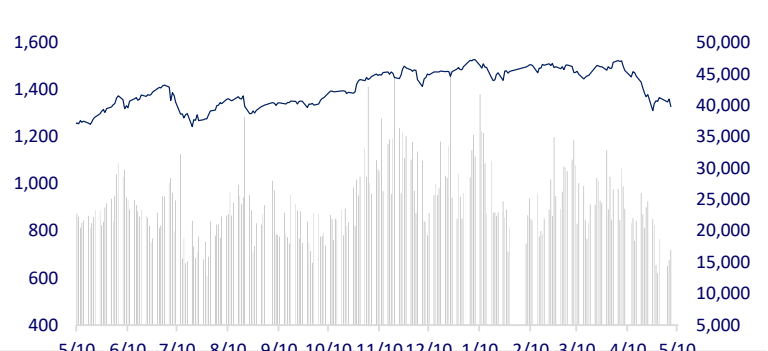


TTCK VIỆT NAM

		1D	YTD
VN-INDEX	1,360.68	0.89%	-9.18%
VN30	1,404.88	1.10%	-8.52%
HNX	358.75	-0.62%	-24.31%
UPCOM	103.82	-0.19%	-7.86%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	-64.92		
Tổng GTGD (tỷ)	17,799.18	5.70%	-42.72%

Nhiều cổ phiếu bị bán tháo, VN-Index giảm hơn 31 điểm. Thanh khoản thị trường vẫn ở mức rất thấp. Tổng giá trị khớp lệnh đạt 16.724 tỷ đồng, tăng 2% so với phiên trước, trong đó, giá trị khớp lệnh riêng sàn HoSE tăng 2,5% lên 14.792 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng khoảng 65 tỷ đồng.

INTRADAY VNINDEX

VNINDEX (1Y)

ETF & PHÁI SINH

		1D	YTD
E1FVN30	22,990	-2.38%	-10.99%
FUEMAV30	16,160	-2.06%	-10.67%
FUESSV30	17,690	-0.67%	-6.89%
FUESSV50	20,270	-6.80%	-11.48%
FUESSVFL	19,730	0.51%	-12.23%
FUEVFVND	28,080	-1.82%	0.11%
FUEVN100	18,700	-2.35%	-12.94%
VN30F2212	1,360.20	-2.70%	
VN30F2209	1,377.00	-1.61%	
VN30F2206	1,361.00	-2.68%	
VN30F2205	1,362.00	-2.89%	

THAY ĐỔI GIÁ TẠI CÁC NGÀNH

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

		1D	YTD
Nikkei	27,003.56	0.94%	-6.21%
Shanghai	3,001.56	-2.16%	-17.53%
Kospi	2,644.51	-1.23%	-11.19%
Hang Seng	20,001.96	-1.41%	-14.51%
STI (Singapore)	3,291.89	-1.55%	5.38%
SET (Thái Lan)	1,629.58	-0.83%	-1.69%
Dầu thô (\$/thùng)	110.64	2.30%	44.63%
Vàng (\$/ounce)	1,883.13	0.84%	3.42%

Chứng khoán châu Á giảm điểm, Nhật Bản ngược dòng. Chỉ số Hang Seng của Hong Kong giảm 1,41% xuống 20.001,96 điểm. Tại Trung Quốc, chỉ số Shanghai Composite giảm 2,16% còn 3.001,56 điểm. Chỉ số Kospi của Hàn Quốc giảm 1,23% còn 2.644,51 điểm.

KINH TẾ VĨ MÔ

		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	1.63%	7	82
Lãi suất tiết kiệm 12T	5.60%	0	0
TPCP - 5 năm	2.47%	6	146
TPCP - 10 năm	2.99%	-4	99
USD/VND	23,175	0.37%	1.02%
EUR/VND	24,749	-0.71%	-6.49%
CNY/VND	3,510	-0.23%	-4.05%

Theo báo cáo của Bộ Công Thương, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong 4 tháng vừa qua có sự tăng trưởng vượt trội so với cùng kỳ năm trước, hàng hóa dồi dào, sức mua có xu hướng tăng lên. Bán lẻ hàng hóa trong 4 tháng đầu năm tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước và riêng lương thực và thực phẩm tăng tới 13,2% do giá cả hàng hóa tăng.

LỊCH SỰ KIỆN

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
DRL	5/6/2022	5/9/2022	5/18/2022	Tiền mặt		2,273
VLA	5/6/2022	5/9/2022		Cổ phiếu	100:85	
FMC	5/9/2022	5/10/2022	5/26/2022	Tiền mặt		2,000
BAX	5/9/2022	5/10/2022	8/11/2022	Tiền mặt		5,000
TET	5/9/2022	5/10/2022	5/24/2022	Tiền mặt		300
DHA	5/9/2022	5/10/2022	5/24/2022	Tiền mặt		2,000
VDT	5/11/2022	5/12/2022	5/25/2022	Tiền mặt		2,000
BMP	5/11/2022	5/12/2022	6/13/2022	Tiền mặt		1,350
TDW	5/11/2022	5/12/2022	5/26/2022	Tiền mặt		1,200

TIN TỨC CHỌN LỌC
Ngân hàng nhà nước lấy ý kiến sửa đổi quy định về tái cấp vốn trái phiếu đặc biệt của VAMC
Thị trường bán lẻ hàng hóa tăng trưởng cao trở lại
Xuất khẩu cá tra tăng vọt, ngành thủy sản tiếp tục bội thu
Fed tạo ra biến động trên thị trường tài chính: 3 hệ quả từ việc thắt chặt điều kiện tài chính
Thị trường quan ngại về nguồn cung, giá dầu tăng
Đồng loạt tăng lãi suất, đến lượt BoE nâng lên mức cao nhất 13 năm

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	79,400	-1.98%	-1.85%	1,182,500	1,472,300	CTG: Q1/2022, thu nhập lãi thuần giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước, xuống 10.145 tỷ đồng. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ giảm 0,4%, xuống 1.278,1 tỷ đồng. Mảng chứng khoán kinh doanh báo lãi 56,4 tỷ đồng, giảm 68%, trong khi mua bán chứng khoán đầu tư lỗ 232,8 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ 110,2 tỷ đồng). Hoạt động ngoại hối ghi nhận lãi tăng 1,3 lần, lên 783,6 tỷ đồng, lãi từ hoạt động khác tăng 4,2 lần, lên 1.877,5 tỷ đồng.
BID	37,000	-3.14%	-0.67%	2,716,100	2,675,800	
CTG	27,000	-3.23%	-2.70%	3,934,200	4,654,500	
TCB	41,500	-2.58%	-5.68%	8,675,300	7,515,500	
VPB	34,150	-3.94%	-6.95%	22,256,500	20,416,100	
MBB	28,000	-3.45%	-6.04%	14,588,700	13,401,500	
HDB	24,050	-4.37%	-4.94%	4,094,200	3,732,700	
TPB	33,600	-1.75%	0.00%	3,111,000	5,161,200	
STB	25,500	-5.20%	-7.94%	21,774,200	25,533,500	
ACB	31,000	-2.21%	-5.20%	4,397,000	3,326,700	
NVL	80,800	-0.49%	-1.46%	4,447,500	4,953,000	NVL: Từ ngày 11/5 đến 9/6, CTCP Nova Group, đăng ký nhận chuyển nhượng 106,65 triệu cổ phiếu NVL, nâng lượng nắm giữ lên 637,17 triệu đơn vị, chiếm 32,17% vốn.
KDH	46,100	0.00%	-3.76%	1,675,900	1,891,300	
PDR	61,000	-0.81%	-1.77%	2,247,700	2,374,500	
GAS	109,800	0.37%	3.58%	1,060,700	1,300,300	PLX: Q1/2022 với doanh thu thuần 67.020 tỷ đồng, tăng 75%. Giá vốn tăng mạnh hơn 84% nên lợi nhuận gộp giảm 18,2% xuống 2.777 tỷ đồng. Biên lãi gộp giảm từ 8,87% xuống 4,14%.
POW	13,900	-1.77%	5.70%	28,703,100	26,117,100	
PLX	45,800	-3.78%	-4.58%	1,699,600	1,984,800	
VIC	79,800	-0.25%	-0.25%	2,756,800	3,535,200	VIC: Tại thời điểm cuối quý I, vay và nợ thuê tài chính 30.199 tỷ đồng, tăng thêm hơn 10.000 tỷ đồng so với đầu năm; vay và nợ thuê dài hạn 109.349 tỷ đồng, tăng thêm 7.300 tỷ đồng.
VHM	68,700	-0.15%	5.69%	8,070,100	9,658,300	
VRE	29,600	-2.31%	-4.21%	8,997,500	10,052,600	
VNM	70,200	-2.64%	-5.39%	3,927,600	3,572,000	SAB: Về việc tăng giá sản phẩm năm nay, lãnh đạo Sabeco cho biết có nhiều lý do để tăng giá sản phẩm như sự cạnh tranh, tăng giá nguyên liệu, danh mục sản phẩm cao cấp hơn.
MSN	117,000	-1.68%	0.86%	1,606,700	1,466,300	
SAB	167,500	-1.12%	3.33%	295,500	330,400	
BVH	128,000	-2.14%	-1.46%	520,000	610,500	VJC: Quý 1/2022 với doanh thu thuần đã có dấu hiệu tăng 12% lên 4.522 tỷ đồng. Tuy nhiên giá vốn vẫn là gánh nặng của Vietjet khi chiếm tới 4.779 tỷ đồng khiến công ty tiếp tục chìm trong lỗ gộp 256 tỷ đồng (thấp hơn mức lỗ gộp của cùng kỳ 1.013 tỷ đồng). Nhờ hoạt động tài chính tiếp tục đóng góp mức khả quan 1.156 tỷ đồng dù vẫn giảm 17% so cùng kỳ. Đặc biệt, kỳ này chi phí tài chính tăng vọt gấp hơn 10 lần lên 403 tỷ đồng. Dù vậy, Vietjet vẫn lãi 750 tỷ đồng từ hoạt động tài chính.
VJC	128,000	-2.14%	-1.46%	520,000	610,500	
FPT	100,200	-4.30%	-4.57%	3,863,800	3,866,500	
MWG	146,600	-1.87%	-1.74%	2,096,600	1,888,400	
PNJ	106,500	-3.18%	-1.39%	1,221,600	1,192,600	
GVR	26,800	-4.96%	-7.11%	2,116,600	2,276,900	
SSI	28,850	-6.94%	-14.01%	22,244,700	27,990,700	
HPG	41,800	-0.59%	-3.46%	26,795,200	25,957,800	

